SMARTFUSIONPRO | METATRADER 5

Hướng dẫn sử dụng SmartFusionPRO

EN | SmartFusionPRO User Guide

Đọc cấu trúc | xác nhận tín hiệu | lập kế hoạch rủi ro

EN | Read structure | validate signals | plan risk

Tài liệu chính thức | Platform MT5 | V2689 / EA271

EN | Official documentation | MT5 platform | V2689 / EA271

LEARN THE TOOLKIT · EA271 / V2.939

Hiểu từng chỉ số. Kết hợp đúng trình tự.

EN | Understand each indicator. Combine them in the right order.

Các nhóm công cụ dưới đây được giải thích theo vai trò trong hệ thống. Hãy đọc cấu trúc trước, sau đó mới đánh giá động lượng, trạng thái tín hiệu và rủi ro.

EN | The tool groups below are explained by their role in the system. Read structure first, then assess momentum, signal state and risk.

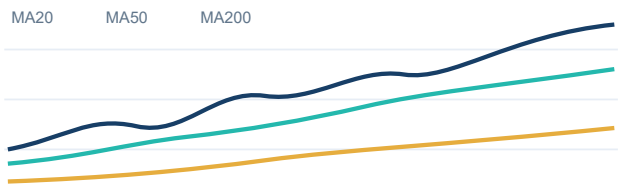
MA CẤU TRÚC XU HƯỚNG

EN | TREND STRUCTURE

MA20 · MA50 · MA200

MA20 phản ánh nhịp ngắn, MA50 cho xu hướng trung hạn và MA200 làm mốc xu hướng dài hơn. Khi các đường xếp lớp cùng hướng, cấu trúc có tính đồng thuận hơn; khi đan xen, thị trường có thể thiếu xu hướng rõ.

EN | MA20 reflects the short-term rhythm, MA50 the intermediate trend and MA200 a longer-term reference. When the averages align, the structure is more consistent; when they intertwine, the market may lack a clear trend.



Cách kết hợp: xác định hướng chính bằng MA50/200, dùng MA20 quan sát nhịp hồi và điểm tương tác; xác nhận bằng cấu trúc đỉnh/đáy và trendline.

EN | How to combine: use MA50/200 to establish the broader direction, MA20 to monitor pullbacks and interactions, then confirm with swing structure and trendlines.

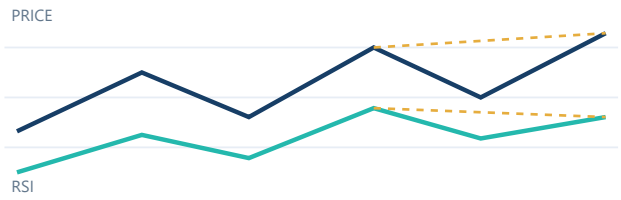
RSI ĐỘNG LƯỢNG

EN | MOMENTUM

RSI(14) & Divergence

RSI đo tốc độ và mức thay đổi tương đối của giá. Vùng cao/thấp cho biết trạng thái động lượng, không tự động là tín hiệu bán/mua. Phân kỳ xuất hiện khi đỉnh/đáy giá và RSI không xác nhận lẫn nhau.

EN | RSI measures the speed and relative change of price. High/low readings describe momentum conditions; they are not automatic sell/buy signals. Divergence occurs when price swings and RSI fail to confirm each other.



Cách kết hợp: dùng RSI để kiểm tra động lượng có ủng hộ hướng xu hướng hay không; nếu có phân kỳ, chờ phản ứng giá hoặc cấu trúc xác nhận trước khi hành động.

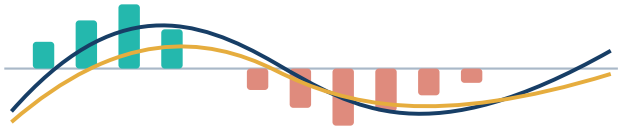
EN | How to combine: check whether RSI momentum supports the trend. When divergence appears, wait for price reaction or structural confirmation before acting.

MACD ĐỘNG LƯỢNG
EN | MOMENTUM

MACD(12,26,9) & Divergence

MACD gồm đường MACD, đường tín hiệu và histogram thể hiện chênh lệch giữa hai đường. Độ mở/thu hẹp histogram giúp quan sát động lượng tăng hoặc suy yếu; giao cắt và phân kỳ cần đọc cùng giá.

EN | MACD contains the MACD line, signal line and histogram, which shows the difference between the two lines. Histogram expansion/contraction helps assess strengthening or fading momentum; crosses and divergence must be read with price.



Cách kết hợp: ưu tiên MACD xác nhận lực đi cùng hướng cấu trúc; histogram suy yếu hoặc phân kỳ là lý do rà soát, không phải lệnh đảo chiều độc lập.

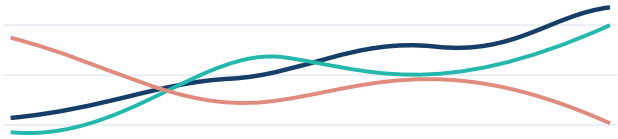
EN | How to combine: use MACD to check whether momentum supports the structure. A weakening histogram or divergence is a reason to reassess, not a standalone reversal order.

ADX SỨC MẠNH XU HƯỚNG
EN | TREND STRENGTH

ADX(14) · +DI / −DI

ADX đánh giá độ mạnh của xu hướng; +DI và −DI hỗ trợ phân biệt bên đang chiếm ưu thế. ADX cao không đồng nghĩa giá chắc chắn tăng, và ADX thấp thường cảnh báo môi trường thiếu xu hướng.

EN | ADX measures trend strength; +DI and −DI help identify which side has the advantage. A high ADX does not mean price must rise, while a low ADX often warns of a weak-trend environment.



Cách kết hợp: dùng ADX để đánh giá môi trường trend/range; đọc +DI/−DI cùng hướng giá và MA. Không dùng riêng ADX để chọn BUY/SELL.

EN | How to combine: use ADX to assess trend versus range conditions and read +DI/−DI with price direction and moving averages. Do not use ADX alone to choose BUY/SELL.

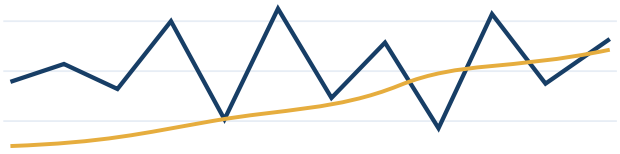
ATR BIẾN ĐỘNG & RỦI RO

EN | VOLATILITY & RISK

ATR(14)

ATR đo biên độ dao động trung bình, không chỉ ra hướng giá. ATR mở rộng thường đi cùng biến động lớn; ATR co hẹp cho thấy thị trường lắng lại. Khoảng SL cần tính theo biến động và cấu trúc.

EN | ATR measures average price range, not direction. Rising ATR often accompanies larger movement; falling ATR suggests quieter conditions. Stop distance should reflect both volatility and structure.



Cách kết hợp: đặt SL ngoài vùng vô hiệu hợp lý, cân nhắc ATR và khoảng cách tới swing; giảm khối lượng khi SL rộng để giữ mức rủi ro tiền tệ phù hợp.

EN | How to combine: place SL beyond a meaningful invalidation area, considering ATR and swing distance. Reduce position size when the stop is wider to keep monetary risk appropriate.

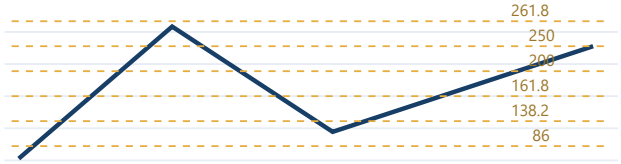
FIB VÙNG GIÁ THAM CHIẾU

EN | REFERENCE PRICE ZONES

Fibonacci · ngày / tuần / phiên

Các vùng Fibonacci của ngày trước, tuần trước và ngày hiện tại giúp xác định vùng hồi, mở rộng và phản ứng. Mức giá phải được tính trên đúng chu kỳ dữ liệu và lịch giao dịch của từng sản phẩm.

EN | The EA displays Fibonacci reference levels 86, 138.2, 161.8, 200, 250 and 261.8 across previous-day, current-day and previous-week data groups. These levels help locate pullback/continuation areas and reaction references; their meaning depends on swing direction and the selected data period.



Cách kết hợp: ưu tiên vùng Fibo trùng trendline, MA hoặc swing quan trọng; chờ nến/động lượng xác nhận phản ứng. Không coi một mức Fibo là điểm đảo chiều chắc chắn.

EN | How to combine: select the correct Fibo group, identify swing direction, compare nearby levels with swing structure, moving averages and trendlines, then wait for price/momentum reaction. Do not assume every Fibo level is support or resistance.

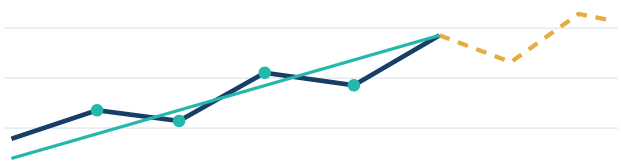
TL CẤU TRÚC & KỊCH BẢN

EN | STRUCTURE & SCENARIOS

Smart Trendlines & Price Projection

Trendline đa khung thời gian được xây từ pivot và số lần chạm; projection mô tả kịch bản đường đi tham khảo phía trước. Đường chiếu không phải dự báo chắc chắn hoặc cam kết mục tiêu.

EN | Trendlines are built from confirmed pivots, scan available history and prioritize lines with repeated reactions. The EA supports W1, D1, H4, H1, M15 and M5; ATR filters assess touch proximity and break distance. The lines provide dynamic support/resistance and channel context.



Cách kết hợp: xem trendline lớn để nhận diện cấu trúc; dùng trendline nhỏ và projection để theo dõi vùng tương tác. Kịch bản mất hiệu lực khi giá phá cấu trúc xác nhận.

EN | How to combine: read W1/D1/H4 first for the larger structure, then use H1/M15/M5 to monitor setups. Give more weight to lines with at least three reactions; wait for a candle-close break before assessing a retest.

S/R CẤU TRÚC & VÙNG PHẢN ỨNG

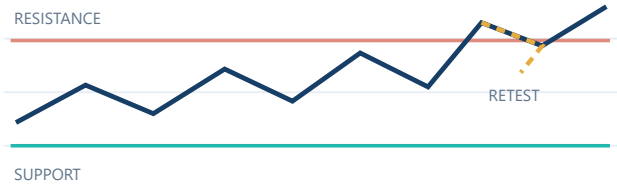
EN | STRUCTURE & SCENARIOS

Hỗ trợ – kháng cự & kênh giá đa khung

EN | Multi-timeframe support, resistance and channels

Engine Trendline tìm các swing high/low đã xác nhận, chọn các đường có chất lượng và tối thiểu ba lần phản ứng; bộ lọc ATR giúp đánh giá độ gần của điểm chạm và mức phá vỡ. Các đường được tổ chức theo W1, D1, H4, H1, M15 và M5. Đây là hỗ trợ/kháng cự động theo cấu trúc, không phải một bộ vùng Supply/Demand dạng hộp độc lập.

EN | The Trendline engine identifies confirmed swing highs/lows, selects quality candidates and requires at least three reactions; ATR filters assess touch proximity and break distance. Lines are organized across W1, D1, H4, H1, M15 and M5. These are structure-based dynamic support/resistance lines, not a separate boxed Supply/Demand module.



Cách sử dụng: ưu tiên đường có nhiều phản ứng và đồng thuận với khung lớn; chờ nến đóng xác nhận phá vỡ hoặc quan sát retest. Không xem một lần chạm là bảo đảm giá sẽ đảo chiều.

EN | How to use it: prioritize lines with repeated reactions that agree with the higher timeframe; wait for a candle-close break or monitor a retest. One touch does not guarantee a reversal.

ZZ SWING & KỊCH BẢN GIÁ

EN | STRUCTURE & SCENARIOS

Smart ZigZag · Swing lịch sử & kịch bản phía trước

EN | Smart ZigZag · confirmed swings and forward scenarios

Smart ZigZag nối các đỉnh/đáy swing đã xác nhận theo thứ tự thời gian, loại bỏ pivot cùng phía kém cực trị để tạo nhịp lên/xuống dễ đọc. Từ cấu trúc, kênh và ATR, EA có thể vẽ kịch bản tiếp diễn hoặc đi ngang có điều kiện; khi không có lợi thế hướng rõ, EA giữ ZigZag lịch sử và không tự tạo mục tiêu tương lai.

EN | Smart ZigZag connects confirmed swing highs/lows in time order and compresses weaker same-side pivots into a readable alternating sequence. Using structure, channel state and ATR, the EA can draw conditional continuation or range scenarios. When there is no clear directional edge, it retains historical ZigZag and does not fabricate a future target.



Cách sử dụng: dùng ZigZag để đọc HH/HL hoặc LH/LL và độ lớn nhịp; dùng đường chiếu như kịch bản tham khảo, luôn xác định điểm làm kịch bản mất hiệu lực. Không coi đường chiếu là dự báo chắc chắn.

EN | How to use it: read HH/HL or LH/LL structure and swing size; treat the projected path as a scenario only and define what invalidates it. It is not a guaranteed forecast.

CLOCK / P&L THỜI GIAN & THEO DÕI LỆNH

EN | TIME & CONTEXT

Smart Candle Clock + Trade P/L

EN | Smart Candle Clock + Trade P/L

Smart Candle Clock hiển thị thời gian còn lại của nến và vị trí nến trong chu kỳ phiên/ngày giao dịch. Trade P/L hiển thị giá trị lãi/lỗ của từng vị thế đang mở ngay gần mức giá vào lệnh; màu xanh biểu thị dương, đỏ biểu thị âm và xám biểu thị gần hòa vốn. Đây là tiện ích quan sát, không phải công cụ tự đóng/mở lệnh.

EN | Smart Candle Clock shows time remaining in the current candle and its position within the session/trading-day sequence. Trade P/L displays the profit/loss value of each open position near its entry price; green indicates positive, red negative and grey near breakeven. These are monitoring utilities, not automatic order-entry or exit functions.

SMART CANDLE CLOCK00:12:38 · ví dụ thời gian nến còn lại07 / 24 · ví dụ vị trí nến**TRADE P/L**+ P/L · vị thế đang có lãi– P/L · vị thế đang lỗ

Cách sử dụng: quan sát đồng hồ để biết thời điểm nến đóng, không vội quyết định trước khi nến xác nhận nếu chiến lược yêu cầu. Theo dõi P/L từng vị thế cùng SL/TP và giới hạn rủi ro đã đặt.

EN | How to use it: use the countdown to know when a candle closes; avoid acting before confirmation when your method requires a closed candle. Monitor each position P/L alongside its SL/TP and your risk limit.

SUPPLY / DEMAND KIẾN THỨC VÙNG GIÁ

EN | REFERENCE PRICE ZONES

Hiểu vùng cung – cầu đúng cách

EN | Understand supply and demand areas

Vùng cầu là khu vực giá từng xuất hiện lực mua đáng kể; vùng cung là khu vực từng xuất hiện lực bán đáng kể. Khi phân tích, hãy tìm vùng xuất phát của nhịp dịch chuyển mạnh, xem xét số lần giá quay lại và kiểm tra phản ứng ở lần retest. Cần phân biệt khái niệm vùng cung – cầu với các đường hỗ trợ/kháng cự hoặc trendline.

EN | A demand area is where meaningful buying pressure previously emerged; a supply area is where meaningful selling pressure appeared. Look for the origin of a strong move, how often price revisits the area and the reaction on a retest. Distinguish these conceptual areas from support/resistance lines and trendlines.

DEMANDVùng cầu

EN | Demand area

Theo dõi phản ứng mua

EN | Watch for buying response

↔

SUPPLYVùng cung

EN | Supply area

Theo dõi phản ứng bán

EN | Watch for selling response

Lưu ý phiên bản: EA271 V2939 đã xác nhận engine trendline hỗ trợ/kháng cự theo swing và kênh giá; chưa xác nhận module tự động vẽ vùng Supply/Demand dạng hộp. Không nên hiểu sơ đồ này là tính năng tự động đã có trong EA.

EN | Version note: EA271 V2939 has a verified swing-based support/resistance trendline and channel engine. An automatic boxed Supply/Demand module has not been verified; this diagram must not be mistaken for an automated EA feature.

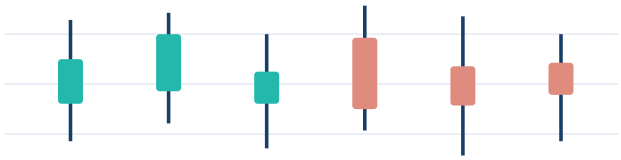
PA HÀNH VI GIÁ

EN | PRICE ACTION

Candle Patterns & Price Action

EA nhận diện các nhóm mô hình như Engulfing, Pin Bar, Morning/Evening Star, Hammer/Shooting Star, Harami, Inside Bar và mô hình tiếp diễn. Mô hình cần xuất hiện ở vị trí có ý nghĩa.

EN | The EA recognizes groups such as Engulfing, Pin Bar, Morning/Evening Star, Hammer/Shooting Star, Harami, Inside Bar and continuation patterns. A pattern matters most when it appears at a meaningful price area.



Cách kết hợp: ưu tiên mẫu nến tại vùng hỗ trợ/kháng cự, Fibo, MA hoặc trendline; chờ nến đóng nếu chiến lược yêu cầu xác nhận. Tránh giao dịch chỉ vì tên mô hình.

EN | How to combine: prioritize patterns at support/resistance, Fibonacci, moving averages or trendlines; wait for candle close when confirmation is required. Do not trade only because a pattern has a familiar name.

VWA BỘ MÁY ĐÁNH GIÁ TÍN HIỆU

EN | SIGNAL ASSESSMENT ENGINE

VIBE Wave Analyzer · Signal Engine V2.939

VWA kết hợp EMA20/50/200, RSI14, ADX14, ATR14, MACD(12,26,9), pivot lookback 12 và bối cảnh khung thời gian cao hơn. Engine ghi nhận EARLY-CONFLUENCE hoặc LIVE-CONFIRMED khi điều kiện tín hiệu được đáp ứng và tính điểm nội bộ để lọc điều kiện; điểm số không phải xác suất thắng.

EN | VWA combines EMA20/50/200, RSI, MACD, ADX and +DI/−DI, ATR, swing/pivot structure and higher-timeframe data when available. The engine evaluates confluence and internal filters for breakouts, continuation, pullbacks and reversals; its score is a technical filter, not a win probability.

01Dữ liệu đầu vào

EN | Input data

EMA20 · EMA50 · EMA200RSI14 · ADX14 · ATR14MACD 12 / 26 / 9 · Pivot 12

→

02Bối cảnh đa khung

EN | Multi-timeframe context

Xu hướng cao hơn · cấu trúc · động lượng

EN | Higher-timeframe trend · structure · momentum

Điểm lọc nội bộ theo profile sản phẩm

EN | Internal filter score by instrument profile

Không phải win-rate hoặc xác suất

EN | Score is not a win probability

→

03Kết quả đánh giá

EN | Signal assessment

BUY / SELL · EARLY-CONFLUENCE / LIVE-CONFIRMEDEntry · SL · TP1 · TP2 · TP3Entry · SL theo ATR / cấu trúc swing

EN | Entry · ATR / swing-structure SL

Tham số gốc của Signal Engine V2.939

EN | How to read signal parameters

Score theo profileReversal threshold theo profileSL: ATR + swing structureTP1 · TP2 · TP3 theo RĐây là giá trị input gốc; profile thích ứng theo sản phẩm có thể điều chỉnh.

Score là điểm lọc nội bộ, không phải xác suất thắng.

EN | Score thresholds and risk factors can vary by instrument profile. The EA calculates Entry, ATR/structure-based SL and TP1/TP2/TP3 reference levels in R. State labels describe technical conditions when a signal is generated; they do not guarantee an outcome.

Cách kết hợp: xem trạng thái VWA cùng MA/Trendline, vị trí giá và vùng Fibo; kiểm tra điểm vô hiệu, SL/TP và mức rủi ro trước khi quyết định. Early signal trên nến đang chạy có thể thay đổi trước khi nến đóng.

EN | How to combine: review BUY/SELL direction and the EARLY-CONFLUENCE or LIVE-CONFIRMED label alongside moving averages, trendlines, price location and Fibonacci. Check invalidation, SL/TP and risk before deciding. An early signal may change as price updates.

SESSION THỜI GIAN & BỐI CẢNH

EN | TIME & CONTEXT

Session Flow & Smart Candle Clock

Session Flow đặt biến động vào các phiên giao dịch và vùng giao thoa; Smart Candle Clock hiển thị thời gian còn lại của nến. Cần chú ý múi giờ terminal và lịch giao dịch riêng của từng sản phẩm.

EN | Session Flow places price movement in the context of trading sessions and overlaps. Smart Candle Clock shows the time remaining in a candle and its position in the cycle. Check terminal timezone and each instrument's trading schedule.

ASIAEUROPEUS

Cách kết hợp: dùng phiên để chọn thời điểm quan sát, không coi giờ phiên là tín hiệu vào lệnh. Xác nhận spread, thanh khoản và lịch nghỉ của mã đang giao dịch.

EN | How to combine: use sessions to plan observation time, not as entry signals. Check spread, liquidity and the trading calendar for the symbol.

FROM ANALYSIS TO DECISION

Quy trình kết hợp chỉ số khi ra quyết định

EN | Combine the tools into a decision workflow

Không cộng cơ học số lượng tín hiệu. Hãy kiểm tra xem các lớp dữ liệu có cùng kể một câu chuyện hay không.

EN | Work from the higher timeframe down to the entry area. A signal worth reviewing needs context, price location, momentum and a risk plan — not just a BUY/SELL label.

01

Xác định bối cảnh

EN | Establish context

Mở rộng khung thời gian: MA200/MA50, Trendline lớn, vùng Fibonacci ngày trước/tuần trước. Xác định trend, pullback, breakout hay neutral.

EN | Zoom out: review MA200/MA50, major trendlines and previous-day/previous-week Fibonacci areas. Classify the market as trend, pullback, breakout or neutral.

02

Đọc lực thị trường

EN | Read market strength

Dùng ADX và +DI/−DI đánh giá sức mạnh/hướng ưu thế; đối chiếu RSI và MACD để xem động lượng có ủng hộ cấu trúc không.

EN | Use ADX and +DI/−DI to assess strength and directional advantage; compare RSI and MACD to see whether momentum supports the structure.

03

Chờ điểm tương tác

EN | Wait for price interaction

Theo dõi giá tại MA20/50, trendline, swing hoặc vùng Fibonacci. Nến phản ứng và Price Action là bằng chứng bổ sung, không phải xác nhận tuyệt đối.

EN | Watch price around MA20/50, trendlines, swings or Fibonacci areas. Candle reaction and Price Action add evidence but are not absolute confirmation.

04

Đánh giá VWA

EN | Review VWA

Đọc EARLY-CONFLUENCE / LIVE-CONFIRMED, score, hướng và bối cảnh khung cao hơn. Không diễn giải internal filter score thành xác suất thắng 60%/66%.

EN | Read BUY/SELL direction, EARLY-CONFLUENCE or LIVE-CONFIRMED state, internal filter score and higher-timeframe context. The score is not a win probability.

05

Lập kế hoạch rủi ro

EN | Build the risk plan

Kiểm tra điểm vô hiệu, khoảng SL theo ATR/swing, các mốc TP theo R, khối lượng và mức lỗ tối đa có thể chấp nhận. Nếu không rõ SL, không vào lệnh.

EN | Check invalidation, ATR/swing-based SL distance, R-based TP levels, position size and maximum acceptable loss. If the stop is unclear, do not enter.

01 · TREND CONTINUATION

Xu hướng tiếp diễn

EN | Trend continuation

MA50/200 và trendline cùng hướng; ADX/+DI hoặc −DI cho thấy bên chiếm ưu thế; RSI/MACD không chống lại hướng chính. Chờ giá hồi về MA20/50 hoặc vùng cấu trúc, có nến phản ứng và VWA WATCH/CONFIRMED rồi mới lập kế hoạch.

EN | MA50/200 and trendlines point in the same direction; ADX/+DI or −DI shows directional advantage; RSI/MACD do not oppose the main trend. Wait for a pullback to MA20/50 or structure, then review candle reaction and VWA before planning.

02 · PULLBACK

Nhịp hồi trong xu hướng

EN | Pullback within a trend

Khung cao hơn vẫn giữ cấu trúc, giá hồi về MA/Fibonacci/trendline. Động lượng có thể giảm tạm thời; không vội coi là đảo chiều. Chờ vùng hồi giữ được và có tín hiệu giá xác nhận cùng VWA.

EN | The higher timeframe structure remains intact while price retraces to an MA, Fibonacci level or trendline. Momentum may temporarily fade; do not assume reversal. Wait for the area to hold and for price/VWA confirmation.

03 · REVERSAL WARNING

Cảnh báo đảo chiều

EN | Reversal warning

Phân kỳ RSI/MACD, DI đổi ưu thế hoặc giá phá cấu trúc là cảnh báo cần rà soát. Không vào ngược xu hướng chỉ vì phân kỳ; chờ phá cấu trúc, retest và VWA reversal đủ điều kiện.

EN | RSI/MACD divergence, a DI shift or a structural break is a warning to reassess. Do not trade against the trend on divergence alone; wait for structure break, retest and qualifying VWA reversal conditions.

04 · RANGE / WAIT

Thị trường đi ngang – ưu tiên chờ

EN | Range market – prioritize waiting

MA đan xen, ADX yếu, DI thay đổi liên tục, RSI/MACD thiếu đồng thuận và VWA WAIT: tránh giao dịch ở giữa biên. Chỉ đánh giá lại khi có breakout, retest và xác nhận bối cảnh.

EN | Intertwined averages, weak ADX, changing DI, conflicting RSI/MACD and no clear signal suggest avoiding the middle of the range. Reassess after a breakout, retest and context confirmation.

Nguyên tắc thực hành: cấu trúc và động lượng đồng thuận + giá phản ứng tại vùng có ý nghĩa + VWA xác nhận + rủi ro phù hợp. Nếu thiếu một mắt xích quan trọng hoặc các khung thời gian mâu thuẫn, ưu tiên chờ.

EN | Reference workflow: multi-timeframe structure → meaningful price area → momentum/Price Action → VWA signal → check invalidation, SL/TP and position size. If the analytical layers conflict or risk is unsuitable, stand aside.

Các mô tả phản ánh nhóm công cụ trong EA271 V2939. Hình minh họa mang tính giải thích, không phải dữ liệu thị trường trực tiếp hoặc tín hiệu giao dịch thực. Cần kiểm thử runtime/visual acceptance trước khi coi nội dung là hướng dẫn phát hành.

EN | This content has been checked against EA271 V2939 source. SVG diagrams explain concepts and are not live market data. Actual MT5 captures are separated from schematic diagrams. The EA has swing-based support/resistance trendlines and channels; an automatic boxed Supply/Demand module has not been verified.